

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn
thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23/11/2009;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21/11/2008;

ok Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

ok Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

ok Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

ok Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

ok Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

ok Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ;

ok Căn cứ Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 01/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số điều của Luật dân quân tự vệ và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số: 48 /TTr-SNV ngày 15 tháng 01 năm 2014 v/v Ban hành Quy định tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quy định này có 04 Chương, 25 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế quyết định số 32/2007/QĐ-UB ngày 09/5/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tuyển dụng và chế độ tập sự công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

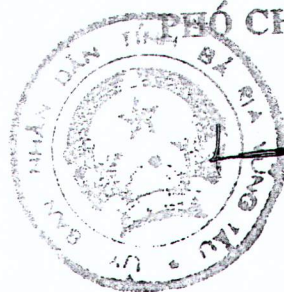
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c); Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế (t/đ); Cục Kiểm tra văn bản (b/c);
- TTr. Tỉnh ủy (b/c); TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh (b/c);
- Ban TCTU (đ/b); Ủy ban MTTQVN tỉnh (đ/b);
- Các tổ chức Đoàn thể tỉnh (đ/b);
- Các thành viên UBND tỉnh (đ/b);
- Sở Tư pháp (t/đ); Như điều 3 (t/h);
- Công báo tỉnh; Đài PT&TH tỉnh; Báo BR-VT;
- Website Chính phủ; Website CCHC tỉnh;
- Lưu: VT; SNV. TCCO

NX

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên

QUY ĐỊNH

**Tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn
thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2014/QĐ.UBND ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là công chức cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm các chức danh sau:

1. Trưởng Công an xã;
2. Chỉ huy trưởng Quân sự;
3. Văn phòng - thống kê;
4. Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);
5. Tài chính - kế toán;
6. Tư pháp - hộ tịch;
7. Văn hóa - xã hội.

Điều 2. Nguyên tắc tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí công việc, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã theo từng chức danh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.
2. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, khách quan, đúng pháp luật.
3. Người được tuyển dụng làm công chức cấp xã phải có phẩm chất đạo đức; lý lịch gia đình và bản thân rõ ràng; đủ tiêu chuẩn và thông qua thi tuyển, xét tuyển.
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo Quy định này.

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển

1. Người có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, hình thức đào tạo và loại hình đào tạo được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với chức danh cần tuyển;
- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- e) Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;

g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển do Ủy ban nhân dân cấp xã xác định phải bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã cần tuyển trong kế hoạch tuyển dụng gắn với ngành đào tạo, các kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn cụ thể và nhiệm vụ đối với từng chức danh công chức cấp xã.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã và Trưởng công an xã: ngoài những tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải là người có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

- a) Không cư trú tại Việt Nam;
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

Điều 4. Thi tuyển

1. Thi tuyển áp dụng đối với tất cả những đối tượng tuyển dụng để bổ trí làm việc ở cấp xã, trừ các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Các môn thi và hình thức thi:

a) Môn kiến thức chung: thi viết 01 bài thời gian 120 phút về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tương ứng với chức danh công chức cần tuyển dụng.

b) Môn nghiệp vụ chuyên ngành: thi viết 01 bài thời gian 120 phút và thi trắc nghiệm 01 bài thời gian 30 phút về nghiệp vụ chuyên ngành theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

c) Môn tin học văn phòng: thi thực hành trên máy hoặc thi trắc nghiệm, thời gian 30 phút theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Người đăng ký dự tuyển công chức cấp xã nếu có bằng tốt nghiệp từ trung cấp công nghệ thông tin trở lên thì được miễn thi môn tin học văn phòng.

3. Cách tính điểm:

- a) Bài thi được chấm theo thang điểm 100.
- b) Điểm các môn thi được tính như sau:
- Môn kiến thức chung: tính hệ số 1;
 - Môn nghiệp vụ chuyên ngành: bài thi viết tính hệ số 2; bài thi trắc nghiệm tính hệ số 1;
 - Môn tin học văn phòng: tính hệ số 1 và không tính vào tổng số điểm thi.
- c) Kết quả thi tuyển là tổng số điểm của các bài thi môn kiến thức chung và môn nghiệp vụ chuyên ngành tính theo quy định tại Khoản b Điều này cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 6 Quy định này.

4. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển:

- a) Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ các bài thi của các môn thi;
- Có điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên (kể cả điểm bài thi môn tin học văn phòng nếu không được miễn thi và điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành chưa nhân hệ số 2);
- Có kết quả thi tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng chức danh công chức.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi tuyển bằng nhau ở chức danh công chức cần tuyển dụng thì xác định người trúng tuyển như sau: người có điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người có điểm bài thi trắc nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

c) Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Điều 5. Xét tuyển

1. Xét tuyển áp dụng đối với những đối tượng là người dân tộc ít người tuyển dụng để bố trí làm công chức cấp xã ở vùng đồng bào dân tộc sống tập trung.

2. Nội dung xét tuyển:

- Xét kết quả học tập của người dự tuyển;
- Phỏng vấn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

3. Cách tính điểm:

a) Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

b) Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các bài thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

c) Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ tín chỉ (không thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ luận văn) thì điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 3.

d) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

đ) Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn tính theo quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3 Điều này.

e) Trường hợp người dự xét tuyển có trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng, Hội đồng xét tuyển căn cứ kết quả học tập trong hồ sơ của người dự tuyển và điểm phỏng vấn để tính điểm theo quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3 Điều này.

4. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã:

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn, mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên (điểm học tập chưa nhân hệ số 2);

- Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức;

b) Trường hợp có 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chức danh công chức cần tuyển dụng thì xác định người trúng tuyển như sau: người có kết quả điểm học tập cao hơn là người trúng tuyển; nếu kết quả điểm học tập bằng nhau thì người có kết quả điểm tốt nghiệp cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

c) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

5. Đối với các chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã thực hiện xét các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy định này và theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện (nếu tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã) hoặc Trưởng Công an huyện (nếu tuyển Trưởng Công an xã).

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã phải đạt các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Điều 6. Ưu tiên trong tuyển dụng

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã:

a) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh: được cộng 30 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 20 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, nghĩa vụ quân dân tự vệ, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên; người có thời gian giữ chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố liên tục từ 03 năm trở lên: được cộng 10 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển.

2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển công chức cấp xã thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển.

Điều 7. Chế độ thu và quản lý, sử dụng phí thi tuyển, xét tuyển

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 163/2010/TTLT/BTC-BNV ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí dự thi tuyển và phí dự thi nâng ngạch công chức, viên chức và các văn bản hiện hành.

Chương II QUY TRÌNH TUYỂN DỤNG

Điều 8. Xác định nhu cầu tuyển dụng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí công tác, số lượng chức danh cần tuyển dụng, lập kế hoạch nhu cầu tuyển dụng báo cáo Ủy ban nhân dân huyện để phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào số lượng công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và nhu cầu tuyển dụng do Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị tiến hành xây dựng và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã thuộc huyện; đồng thời báo cáo Sở Nội vụ theo dõi theo quy định.

Điều 9. Thông báo tuyển dụng, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển

1. Chậm nhất là 60 ngày trước ngày tổ chức tuyển dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo công khai các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này trên đài phát thanh, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện; trụ sở làm việc của

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhu cầu tuyển dụng đồng thời đăng trên 03 số báo liên tiếp của cấp tỉnh.

2. Nội dung thông báo, gồm:

- a) Tiêu chuẩn và điều kiện đăng ký dự tuyển;
- b) Số lượng, chức danh cần tuyển;
- c) Hồ sơ đăng ký dự tuyển;
- d) Ưu tiên trong dự tuyển;
- đ) Thời gian, địa điểm phát, nhận hồ sơ dự tuyển, tài liệu ôn thi và thi tuyển;
- e) Môn thi và hình thức thi;
- g) Phí dự thi;
- h) Số điện thoại liên hệ.

3. Thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

4. Chậm nhất 07 ngày trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải lập danh sách người đủ điều kiện dự tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhu cầu tuyển dụng.

Điều 10. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển công chức cấp xã bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã theo *Mẫu số 1* ban hành kèm theo Quy định này;

b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển theo *Mẫu số 2* ban hành kèm theo Quy định này;

c) Bản sao giấy khai sinh;

d) Bản photo các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển; trường hợp đã tốt nghiệp, nhưng cơ sở đào tạo chưa cấp bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp thì nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời do cơ quan có thẩm quyền cấp;

đ) Giấy chứng nhận sức khỏe do tổ chức y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

e) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

g) Năm (05) phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ người nhận; 02 ảnh màu cỡ 4x6.

2. Hồ sơ dự tuyển của người trúng tuyển công chức cấp xã là hồ sơ trúng tuyển. Hồ sơ dự tuyển không phải trả lại cho người đăng ký dự tuyển và không sử dụng để thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã lần sau.

Điều 11. Thành lập Hội đồng tuyển dụng

1. Khi hết thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển, chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng.

2. Trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng khi số người đăng ký dự tuyển dưới 20 người thì phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ. Phòng Nội vụ cấp huyện giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định. Trong trường hợp này Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện vẫn phải thành lập các Ban giúp việc theo quy định.

Điều 12. Tổ chức thi tuyển, xét tuyển

Việc tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo Nội quy và Quy chế Tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện vẫn phải đảm bảo quy trình tổ chức kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển theo Nội quy và Quy chế Tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã thuộc tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trong đó nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển hoặc xét tuyển do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

Điều 13. Thông báo kết quả tuyển dụng

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển của Hội đồng tuyển dụng hoặc của Phòng Nội vụ cấp huyện (trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng), Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhu cầu tuyển dụng; gửi thông báo kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký theo *Mẫu số 3* ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 14. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và phúc khảo

1. Trong quá trình tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã, trường hợp có đơn khiếu nại, tố cáo, Hội đồng tuyển dụng phải xem xét giải quyết trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo. Trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp giải quyết.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết công khai kết quả tuyển dụng, đối với thi tuyển, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi tuyển đến Hội đồng tuyển dụng; đối với xét tuyển, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả xét tuyển đến Hội đồng tuyển dụng nếu thấy có sai sót của Hội đồng tuyển dụng trong việc tính điểm học tập, điểm tốt nghiệp. Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng tuyển dụng tổng hợp báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức phúc khảo trong thời hạn

15 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận đơn đề nghị phúc khảo theo Quy định tại Khoản này. Không giải quyết phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau thời hạn quy định nêu trên (tính theo ngày đơn thư đến tại bộ phận văn thư của cơ quan của UBND cấp huyện) và các đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

Trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng thì Phòng Nội vụ có trách nhiệm tổng hợp các đơn phúc khảo, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức phúc khảo theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao trách nhiệm cho Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã quyết định thành lập Ban phúc khảo hoặc trực tiếp thành lập Ban phúc khảo (trong trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng); kết quả phúc khảo được tổng hợp vào kết quả thi tuyển, xét tuyển, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và thông báo kết quả phúc khảo cho người có đơn đề nghị phúc khảo trong thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 15. Công nhận kết quả trúng tuyển

Sau 20 ngày kể từ khi thực hiện xong các quy định tại Điều 14 Quy định này, Hội đồng tuyển dụng hoặc Phòng Nội vụ (trường hợp không thành lập Hội đồng thi) báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức cấp xã và gửi thông báo công nhận kết quả tuyển dụng bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo thực hiện theo *Mẫu số 4* ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 16. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo đã trúng tuyển, người trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ gồm:

- a) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;
- b) Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp;

Các giấy tờ chứng thực văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập và cấp phiếu lý lịch tư pháp trên phải còn trong thời hạn được quy định.

Trường hợp người trúng tuyển có lý do chính đáng mà không thể đến hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển thì phải có đơn đề nghị được gia hạn gửi về Phòng Nội vụ; nhưng phải gửi trước khi kết thúc thời hạn hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển, thời gian gia hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển.

2. Sau khi người trúng tuyển hoàn thiện đủ hồ sơ trúng tuyển; trong thời hạn 15 ngày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng đối với người trúng tuyển.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hủy kết quả trúng tuyển khi người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ trúng tuyển theo quy định hoặc khi

phát hiện thấy văn bằng, chứng chỉ của người dự tuyển không hợp pháp hoặc không thuộc diện được ưu tiên tuyển dụng (nếu có) như kê khai trong hồ sơ dự tuyển.

4. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng phải đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký dự tuyển để nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng có quy định khác.

Trường hợp người được tuyển dụng có lý do chính đáng mà không thể đến nhận việc thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình nhận việc. Thời gian xin gia hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nhận việc.

5. Trường hợp người có quyết định tuyển dụng đến nhận việc chậm quá thời gian quy định mà không có lý do chính đáng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

6. Trường hợp người trúng tuyển bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển hoặc bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng do không đến nhận việc trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề của chức danh công chức cần tuyển dụng đó, nếu người đó đảm bảo có đủ các điều kiện quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 4 Quy định này (trong trường hợp tổ chức thi tuyển công chức cấp xã) hoặc quy định tại điểm a Khoản 4 hoặc Khoản 5 Điều 5 Quy định này (trong trường hợp tổ chức xét tuyển công chức cấp xã).

Điều 17. Báo cáo kết quả tuyển dụng

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thực hiện xong việc tuyển dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải lập báo cáo tổng hợp kết quả tuyển dụng và danh sách những người được tuyển dụng gửi về Sở Nội vụ để theo dõi theo quy định.

CHƯƠNG III TẬP SỰ

Điều 18. Chế độ đối với người tập sự

1. Người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của chức danh công chức được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự và chế độ được hưởng trong thời gian tập sự thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

3. Nội dung tập sự:

a) Nắm vững quy định của Luật Cán bộ, công chức về quyền, nghĩa vụ của công chức, những việc công chức không được làm; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội quy, quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang công tác và chức trách, nhiệm vụ của chức danh công chức được tuyển dụng;

b) Trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh công chức được tuyển dụng;

c) Tập giải quyết, thực hiện các công việc của chức danh công chức được tuyển dụng.

4. Không thực hiện chế độ tập sự đối với:

a) Các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã.

Điều 19. Hướng dẫn tập sự

Chậm nhất sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày đến nhận việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cử người cùng chuyên môn, nghiệp vụ hoặc người có năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự nắm vững và tập làm những công việc theo yêu cầu nội dung tập sự.

Điều 20. Chế độ, chính sách đối với người hướng dẫn tập sự

Người được phân công hướng dẫn tập sự được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 0,3 so với mức lương tối thiểu chung trong thời gian hướng dẫn tập sự.

Điều 21. Công nhận đối với người hoàn thành chế độ tập sự

1. Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản; người hướng dẫn tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu của chức danh công chức thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người có thẩm quyền theo phân cấp quản lý công chức của địa phương ra quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương cho công chức được tuyển dụng.

Điều 22. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự

1. Quyết định tuyển dụng bị hủy bỏ trong trường hợp người tập sự không đáp ứng được yêu cầu của chức danh công chức tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong thời gian tập sự.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người có thẩm quyền theo phân cấp quản lý công chức của địa phương ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người tập sự bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng được Ủy ban nhân dân cấp xã trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng (nếu có) và tiền tàu xe về nơi cư trú.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 23. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trưởng Ban Dân tộc tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh trong việc xác định các xã có người đồng bào dân tộc sống tập trung theo quy định tại điểm 1 Điều 5 Quy định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này; Kiểm tra việc thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan trực thuộc có liên quan.

Điều 24. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân vi phạm Quy định tuyển dụng công chức cấp xã, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

Điều 25. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

(dán ảnh
4 x 6)

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Họ và tên: (ghi chữ in hoa).....Nam, Nữ:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc Quê quán:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

..... Điện thoại liên lạc:.....

Trình độ đào tạo:..... Chuyên ngành:

Thuộc đối tượng ưu tiên (ghi rõ đối tượng ưu tiên theo quy định tại Điều 8 Nghị định 112/2011/NĐ-CP nếu có):.....

Sau khi nghiên cứu điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã của (ghi đúng tên cơ quan thông báo dự tuyển):

....., tôi thấy bản thân có đủ điều kiện để tham dự kỳ thi (xét) tuyển vào chức danh, thuộc UBND xã/phường/ thị trấn.

(ghi đúng tên vị trí việc làm và tên cơ quan, đơn vị có nhu cầu tuyển dụng theo Thông báo tuyển dụng số...../..... ngày...../...../..... của)

Vì vậy tôi làm đơn này đăng ký dự tuyển công chức cấp xã theo thông báo của Quý cơ quan. Nếu trúng tuyển tôi sẽ chấp hành các quy định của Nhà nước và của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

Tôi xin gửi kèm theo đơn này hồ sơ dự tuyển, gồm:

1. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật;
2. Bản sao giấy khai sinh;
3. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập:
(ghi rõ tên của các bản chụp gửi kèm theo đơn đăng ký dự tuyển)

- Về chuyên môn:.....

- Về tin học:

- Bảng ghi kết quả học tập (bảng điểm).

4. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp;

5. Bản chụp giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

6. **05** phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc;

7. **02** ảnh màu cỡ 4 x 6 (ghi rõ họ tên; ngày, tháng, năm sinh ở phía sau ảnh).

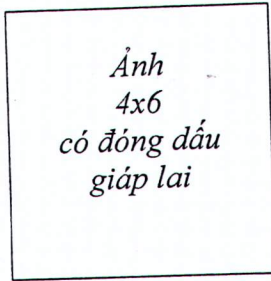
8. Tài liệu khác (nếu có):.....

Tôi cam đoan hồ sơ dự tuyển của tôi là đúng sự thật, sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ và tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Kính đơn

(Ký và ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

PHẦN I: LÝ LỊCH BẢN THÂN

1. Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa).....
2. Nam (Nữ).....
3. Tên gọi khác:.....
4. Ngày, tháng, năm sinh
5. Nơi sinh: xã huyện..... tỉnh.....
6. Quê quán: xã huyện..... tỉnh.....
7. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :(số nhà, đường phố, thôn, ấp, xã, huyện, tỉnh).....
.....
8. Dân tộc: 9. Tôn giáo:
10. Nơi ở hiện nay: (số nhà, đường phố, thành phố, xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
-
11. Trình độ học vấn (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):
12. Trình độ đào tạo: chuyên ngành
-
13. Trình độ tin học:
14. Trình độ ngoại ngữ:
- (Tên ngoại ngữ + Trình độ A,B,C,D, Cao đẳng, Đại học...)
15. Ngày vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:
- Tại.....
16. Ngày vào Đảng CSVN: Dự bị:, Chính thức
- Tại.....
17. Tình trạng sức khỏe: Chiều cao:.....m. Cân nặng:.....kg, Bệnh mãn tính:
18. Chứng minh nhân dân: số Do Công an tỉnh (thành phố)
- cấp ngày, tháng, năm:
19. Hiện đang công tác tại cơ quan, đơn vị (nếu có):
-
20. Quá trình bản thân (Tóm tắt từ 12 tuổi đến nay, làm gì, ở đâu ?):
-
-
-

PHẦN II: QUAN HỆ GIA ĐÌNH

21. Họ và tên cha:..... ngày, tháng, năm sinh:

+ Quê quán:

+ Nghề nghiệp:.....

+ Nơi ở hiện nay.....

+ Quá trình công tác (Kê khai rõ từng thời gian làm việc, cấp bậc và chức vụ nơi làm việc):

+ Trước 30/4/1975:.....

+ Sau 30/4/1975:

22. Họ và tên mẹ: ngày, tháng, năm sinh:

+ Quê quán:

+ Nghề nghiệp:.....

+ Nơi ở hiện nay.....

+ Quá trình công tác (Kê khai rõ từng thời gian làm việc, cấp bậc và chức vụ nơi làm việc):

+ Trước 30/4/1975:.....

+ Sau 30/4/1975: